



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 27
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09 tháng 09 năm 1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12 tháng 09 năm 1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29 tháng 03 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Hảo	Chủ tịch
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Thân	Giám đốc
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đắc Huân	Kiểm soát viên
Ông Lê Quang Hà	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

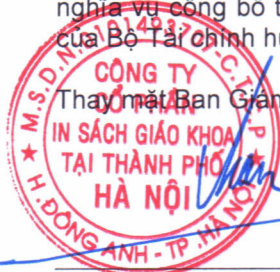
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Quang Thân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội được lập ngày 21 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023



Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.200.277.112	15.036.780.906
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.421.124.606	4.043.152.732
111	1. Tiền		2.421.124.606	1.543.152.732
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.000.000.000	3.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.679.211.265	3.730.403.110
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	7.252.101.796	2.665.397.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	170.200.000	258.700.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.500.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	822.109.469	871.505.618
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(65.200.000)	(65.200.000)
140	IV. Hàng tồn kho	10	2.789.507.627	3.302.140.583
141	1. Hàng tồn kho		2.789.507.627	3.302.140.583
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		310.433.614	961.084.481
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	310.433.614	455.963.764
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	101.958.911
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	403.161.806
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.964.767.558	32.618.064.937
220	I. Tài sản cố định		13.116.777.945	14.354.602.414
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	13.116.777.945	14.354.602.414
222	- Nguyên giá		61.891.965.045	61.856.704.863
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.775.187.100)	(47.502.102.449)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	12	15.478.062.147	15.078.440.429
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.478.062.147	15.078.440.429
260	III. Tài sản dài hạn khác		2.369.927.466	3.185.022.094
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.369.927.466	3.185.022.094
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		48.165.044.670	47.654.845.843

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.707.689.874	22.229.849.296
310	I. Nợ ngắn hạn		22.657.689.874	22.179.849.296
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.368.836.763	1.993.608.946
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	459.100.959	90.066.964
314	3. Phải trả người lao động		1.610.080.412	1.392.186.510
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	16	18.053.384.112	18.532.999.248
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		166.287.628	170.987.628
330	II. Nợ dài hạn		50.000.000	50.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	50.000.000	50.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		25.457.354.796	25.424.996.547
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	25.457.354.796	25.424.996.547
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.959.850.000	20.959.850.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.959.850.000	20.959.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		229.755.263	229.755.263
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.589.722.101	2.589.722.101
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.678.027.432	1.645.669.183
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		78.479.683	65.509.163
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		1.599.547.749	1.580.160.020
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		48.165.044.670	47.654.845.843



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	35.637.720.688	29.821.770.824
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.637.720.688	29.821.770.824
11	3. Giá vốn hàng bán	20	29.729.403.052	22.772.092.151
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.908.317.636	7.049.678.673
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	203.997.365	217.876.088
25	6. Chi phí bán hàng	22	69.727.750	106.646.591
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.672.302.983	5.256.225.150
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(629.715.732)	1.904.683.020
31	9. Thu nhập khác	24	2.745.201.525	105.713.846
32	10. Chi phí khác		-	8.000.001
40	11. Lợi nhuận khác		2.745.201.525	97.713.845
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.115.485.793	2.002.396.865
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	515.938.044	422.236.845
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.599.547.749</u>	<u>1.580.160.020</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	763	754

Vũ Thị Hòa

Vũ Thị Hòa
Người lập biểu

Vũ Thị Hòa

Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng





Ngô Quang Thân
Giám đốc


Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.115.485.793	2.002.396.865
	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.490.641.653	2.298.475.172
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.768.322.651	2.603.233.476
03	- Các khoản dự phòng		-	(34.845.853)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(277.680.998)	(269.912.451)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.606.127.446	4.300.872.037
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.130.963.739)	466.172.221
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		512.632.956	1.607.336.579
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		252.176.275	90.085.103
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		960.624.778	(1.764.859.489)
15	- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(494.153.406)	(356.211.847)
17	- Tiên chi khác cho hoạt động kinh doanh		(104.700.000)	(170.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.601.744.310	4.172.794.604
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.566.359.900)	(3.726.604.348)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		73.683.633	52.036.363
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.000.000.000)	(9.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		6.500.000.000	9.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		235.273.666	201.569.088
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.757.402.601)	(3.972.998.897)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.466.369.835)	(1.454.088.335)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.466.369.835)	(1.454.088.335)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.622.028.126)	(1.254.292.628)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.043.152.732	5.297.445.360
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.421.124.606	4.043.152.732


Vũ Thị Hòa
Người lập biểu


Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng


Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09 tháng 09 năm 1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12 tháng 09 năm 1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29 tháng 03 năm 2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.959.850.000 VND, tương đương 2.095.985 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 79 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 81 người).

Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và các sản phẩm giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế, xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí thiết kế, giải phóng và đền bù cho hộ dân có đất nông nghiệp trong dự án được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 6 tháng đến 36 tháng.

2.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước phản ánh số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	46.982.562	88.594.499
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.374.142.044	1.454.558.233
Các khoản tương đương tiền	-	2.500.000.000
	<u><u>2.421.124.606</u></u>	<u><u>4.043.152.732</u></u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	<u><u>2.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>3.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đông Anh với lãi suất 6,1%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	290.961.004	-	256.502.107	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	-	67.173.777	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	26.794.360	-	-	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	5.932.032	-	-	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	258.234.612	-	189.328.330	-
Bên khác	6.961.140.792	-	2.408.895.385	-
Công ty TNHH Phát triển Đông Phương	3.316.595.578	-	722.900.000	-
Công ty TNHH In Thanh Bình	1.651.303.823	-	999.913	-
Công ty TNHH Quảng cáo TM Ngân Hà	1.048.092.826	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	945.148.565	-	1.684.995.472	-
	7.252.101.796	-	2.665.397.492	-

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội Phạm Phúc Hà	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
Công ty TNHH Thương mại và Môi trường VINASEP	-	-	37.500.000	-
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	(25.200.000)	25.200.000	(25.200.000)
Đối tượng khác	105.000.000	-	-	-
	170.200.000	(65.200.000)	258.700.000	(65.200.000)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH In Thanh Bình	1.500.000.000	-	-	-
	1.500.000.000	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản cho Công ty TNHH In Thanh Bình vay có kỳ hạn 03 tháng, với giá trị là 1.500.000.000 VND, lãi suất 10%/năm.

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về vật tư cho mượn	28.650.963	-	13.425.694	-
Phải thu về lãi dự thu	29.413.699	-	60.690.000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	618.225	-	2.848.521	-
Phải thu Ban quản lý dự án kho Đông Anh (i)	573.270.000	-	573.270.000	-
Phải thu về tạm ứng	130.941.962	-	131.089.481	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	35.000.000	-
Phải thu khác	59.214.620	-	55.181.922	-
	822.109.469	-	871.505.618	-
Trong đó: Bên liên quan				
Ngô Đức Nam	86.000.000	-	86.000.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.672.000	-	7.074.816	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	19.040.927	-	2.466.495	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	172.200	-	3.884.383	-
	108.885.127	-	99.425.694	-

(i) Ban quản lý dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 196/2019/QĐ-GĐ ngày 10 tháng 07 năm 2019 của Giám đốc Công ty. Theo đó, các khoản phải thu trên liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện dự án và sẽ được thu hồi khi dự án hoàn thành.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	-	25.200.000	-
Phạm Phúc Hà	40.000.000	-	40.000.000	-
	65.200.000	-	65.200.000	-

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.138.273.992	-	1.242.116.215	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	651.233.635	-	936.495.855	-
Thành phẩm	-	-	1.123.528.513	-
	2.789.507.627	-	3.302.140.583	-

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.244.653.737	53.117.423.721	2.176.488.408	318.138.997	61.856.704.863
- Mua trong năm	1.083.498.182	447.000.000	-	-	1.530.498.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.495.238.000)	-	-	(1.495.238.000)
Số dư cuối năm	7.328.151.919	52.069.185.721	2.176.488.408	318.138.997	61.891.965.045
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.641.958.231	40.472.240.296	2.149.973.256	237.930.666	47.502.102.449
- Khấu hao trong năm	309.233.623	2.405.073.877	26.515.152	27.499.999	2.768.322.651
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.495.238.000)	-	-	(1.495.238.000)
Số dư cuối năm	4.951.191.854	41.382.076.173	2.176.488.408	265.430.665	48.775.187.100
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.602.695.506	12.645.183.425	26.515.152	80.208.331	14.354.602.414
Tại ngày cuối năm	2.376.960.065	10.687.109.548	-	52.708.332	13.116.777.945

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 39.365.320.948 VND.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh (i)	15.478.062.147	15.078.440.429
	15.478.062.147	15.078.440.429

(i) Trong năm 2010, thực hiện chỉ đạo của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty và một số đơn vị thành viên khác của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (xem thêm ở Thuyết minh số 16) đã ký kết hợp đồng hợp tác số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 để thực hiện đầu tư Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội sẽ đứng vai trò là chủ đầu tư của dự án, thực hiện các thủ tục đầu tư, tập hợp chi phí. Kinh phí để thực hiện dự án sẽ do các bên còn lại góp vốn theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện dự án: tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất;
- Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong năm 2019, ba bên góp vốn để thực hiện dự án là Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc đã gửi công văn yêu cầu rút vốn thực hiện dự án theo tỷ lệ góp vốn.

Trong năm 2022, ba bên góp vốn để thực hiện dự án là Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc đã tiến hành các công việc đàm phán, ký kết hợp đồng để chuyển nhượng phần vốn góp của mình trong dự án cho Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM. Sau khi cả 3 bên góp vốn hoàn thành các thủ tục phê duyệt chủ trương và ký kết hợp đồng chuyển nhượng, các bên sẽ ký văn bản để bàn giao các nghĩa vụ liên quan của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc đã chuyển nhượng xong phần vốn góp của mình cho Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM, và đã có công văn gửi cho Công ty để xác nhận hoàn thành chuyển nhượng phần vốn góp. Trong khi đó, Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội mới ký hợp đồng chuyển nhượng vốn với Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng vốn.

Về thủ tục pháp lý: trong năm 2020, Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận cho gia hạn sử dụng đất 24 tháng theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 04/05/2020. Đồng thời, Ngày 14/09/2020, Công ty đã gửi công văn lên Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Ngày 15/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành thông báo số 1069/TB-KH&ĐT gửi công ty với nội dung: Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tiếp tục đôn đốc Sở Quy hoạch kiến trúc, sau khi nhận được ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thẩm định, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định đúng quy định. Ngày 18/11/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo thẩm định số 730/BC-KH&ĐT đề xuất UBND xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương dự án. Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản số 10616/VP-KT ngày 07/12/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản 68/KH&ĐT-NNS ngày 07/01/2021 đề nghị các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đông Anh kiểm tra, rà soát theo chỉ đạo của UBND thành phố. Sau khi nhận được các văn bản của các Sở, ban ngành, ngày 05/03/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành văn bản số 816/KH&ĐT-NNS cho Công ty với nội dung đề nghị Công ty tiếp tục lập hồ sơ đề xuất chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định. Công ty đã nộp hồ sơ theo yêu cầu cho Sở Kế hoạch và đầu tư và đang chờ được xem xét, phê duyệt.

Về tiến độ dự án: ngày 07/11/2021, Công ty ký hợp đồng dịch vụ với Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội về việc khảo sát địa chất công trình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho dự án. Ngày 24/03/2022, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội bàn giao hồ sơ tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình cho Công ty.

Ngày 25/03/2022, Công ty có văn bản số 12/10/03/2022/TB-HAPCO về việc thông báo khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Ngày 27/04/2022, UBND huyện Đông Anh có văn bản số 812/UBND-QLĐT về việc xây dựng các hạng mục thuộc dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất của Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội, trong đó thống nhất về mặt chủ trương với việc đề xuất xây dựng các hạng mục thuộc dự án, quy mô đầu tư: 02 nhà xưởng 01 tầng, 01 nhà ăn cao 02 tầng, các hạng mục phụ trợ (cổng, tường rào, sân, vườn hoa...).

Ngày 19/07/2022, các sở ban ngành đã đến kiểm tra về việc thực hiện Kết luận thanh tra và Quyết định gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với Công ty. Theo đó, đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty có trách nhiệm nộp hồ sơ điều chỉnh tiến độ dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Hiện tại, dự án đã hoàn thành các công trình tường rào, sân, đường, vườn hoa, cổng ra vào và công trình nhà ăn cao 02 tầng diện tích khoảng 200 m² đang hoàn thiện nội thất. Chi phí phát sinh trong năm là tiền thuê đất, tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2022 và chi phí khảo sát địa chất, lập thiết kế thi công với số tiền là 399.621.718 VND. Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền đồng ý điều chỉnh chủ trương dự án để thực hiện các thủ tục tiếp theo theo trình tự đầu tư dự án.

13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	63.661.114	50.550.604
Chi phí sửa chữa phụ tùng máy móc	207.660.000	261.820.833
Chi phí sửa khác	39.112.500	143.592.327
	310.433.614	455.963.764
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn cải tạo văn phòng, nhà xưởng	2.369.927.466	3.185.022.094
	2.369.927.466	3.185.022.094

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP In và Thương mại Tiên Phong	278.001.606	278.001.606	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhân Đạt	276.315.600	276.315.600	-	-
Công ty TNHH Phúc Thịnh Printing	482.760.000	482.760.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phát triển Hòa Bình	62.238.000	62.238.000	185.526.000	185.526.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu ngành in SIC	102.052.480	102.052.480	589.284.300	589.284.300
Công ty CP An Hùng Minh	365.360.666	365.360.666	320.866.124	320.866.124
Công ty CP Thương mại Bất động sản Hà Nội	-	-	275.000.000	275.000.000
Phải trả các người bán khác	802.108.411	802.108.411	622.932.522	622.932.522
	2.368.836.763	2.368.836.763	1.993.608.946	1.993.608.946

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.416.977.350	1.069.727.993	-	347.249.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	90.044.562	515.938.044	494.153.406	-	111.829.200
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.402	49.635.737	49.635.737	-	22.402
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	403.161.806	-	1.343.872.688	940.710.882	-	-
	403.161.806	90.066.964	3.326.423.819	2.554.228.018	-	459.100.959

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	18.382.605	18.382.605
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	16.945.418.052	16.760.927.818
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	6.390.350.722
- Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.937.805.758	3.936.031.812
- Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	-	6.434.545.284
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM	13.007.612.294	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.089.583.455	1.753.688.825
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	111.255.677	110.436.012
- Phải trả về tiền thuế Thu nhập cá nhân	7.944.939	7.944.939
- Phải trả về vật tư vay, mượn	151.095.236	1.012.794.458
- Phải trả về tiền thù lao Hội đồng quản trị	162.500.000	93.500.000
- Phải trả phải nộp khác	656.787.603	529.013.416
	18.053.384.112	18.532.999.248
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	50.000.000	50.000.000
	50.000.000	50.000.000
c) Trong đó: Bên liên quan		
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	773.017.013
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	48.899.273	117.916.800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	15.130.126	92.180.787
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	-	33.911.159
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư	3.937.805.758	16.760.927.818
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	6.390.350.722
- Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.937.805.758	3.936.031.812
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	-	6.434.545.284
	4.001.835.157	17.777.953.577

(i) Đây là tiền góp vốn của các bên để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15 tháng 07 năm 2010 (xem thêm Thuyết minh 12).

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.663.794.314	25.443.121.678
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.580.160.020	1.580.160.020
Chia cổ tức	-	-	-	(1.467.189.500)	(1.467.189.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(131.095.651)	(131.095.651)
Số dư cuối năm trước	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.645.669.183	25.424.996.547
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.599.547.749	1.599.547.749
Chia cổ tức	-	-	-	(1.467.189.500)	(1.467.189.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm nay	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.678.027.432	25.457.354.796

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2022, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số tiền
	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021	1.580.160.020
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	100.000.000
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 700 VND)	1.467.189.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	12.970.520

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.269.760.000	49,00	10.269.760.000	49,00
Các cổ đông khác	10.690.090.000	51,00	10.690.090.000	51,00
	20.959.850.000	100,00	20.959.850.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.959.850.000	20.959.850.000
- Vốn góp cuối năm	20.959.850.000	20.959.850.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	110.436.012	97.334.847
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	1.467.189.500	1.467.189.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.467.189.500	1.467.189.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	1.466.369.835	1.454.088.335
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.466.369.835	1.454.088.335
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	111.255.677	110.436.012

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.095.985	2.095.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.095.985	2.095.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.095.985	2.095.985
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.095.985	2.095.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.095.985	2.095.985

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.589.722.101	2.589.722.101
	2.589.722.101	2.589.722.101

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	5.156.454.500	4.848.717.454
Từ 1 năm đến 5 năm	2.421.494.000	3.905.388.000

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với Nhà nước để sử dụng cho mục đích làm trụ sở làm việc, nhà kho và xưởng sản xuất từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích đất thuê lần lượt là 28.465,6 m² và 7662 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
USD	101,71	101,71
EUR	102,33	102,33

19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn	26.610.012.836	23.297.047.458
Doanh thu khác	9.027.707.852	6.524.723.366
	35.637.720.688	29.821.770.824
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	23.489.746.621	19.925.777.784

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ in ấn	24.213.583.885	19.355.501.861
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(34.845.853)
Giá vốn khác	5.515.819.167	3.451.436.143
	29.729.403.052	22.772.092.151

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	203.997.365	217.876.088
	203.997.365	217.876.088

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.727.750	106.646.591
	69.727.750	106.646.591

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.002.258.766	2.430.782.079
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	40.726.705	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.198.727	10.490.396
Thuế, phí và lệ phí	201.580.899	152.612.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.412.439.617	1.304.496.501
Chi phí khác bằng tiền	2.967.098.269	1.357.843.350
	6.672.302.983	5.256.225.150

24 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	73.683.633	52.036.363
Quyết toán nguyên vật liệu thừa do tiết kiệm	2.667.744.363	44.139.983
Thu nhập khác	3.773.529	9.537.500
	2.745.201.525	105.713.846

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.115.485.793	2.002.396.865
Các khoản điều chỉnh tăng	464.204.429	108.787.360
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	84.000.000	100.787.359
- Các khoản chi phí không được trừ khác	380.204.429	8.000.001
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.579.690.222	2.111.184.225
Chi phí thuế TNDN hiện hành	515.938.044	422.236.845
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	90.044.562	24.019.564
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(494.153.406)	(356.211.847)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	111.829.200	90.044.562

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.599.547.749	1.580.160.020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.599.547.749	1.580.160.020
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.095.985	2.095.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	763	754

Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành trên lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.649.318.952	6.591.883.879
Chi phí nhân công	10.733.926.810	10.409.154.338
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	40.726.705	1.172.551.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.768.322.651	2.603.233.476
Thuế, phí và lệ phí	1.343.872.688	944.710.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.483.647.304	2.467.904.540
Chi phí khác bằng tiền	4.042.827.942	2.100.408.864
	35.062.643.052	26.289.847.029

28 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động in ấn	Hoạt động cho thuê kho	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	26.610.012.836	4.848.717.454	4.178.990.398	35.637.720.688
Giá vốn hàng bán	24.213.583.885	2.790.563.420	2.725.255.748	29.729.403.052
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.396.428.951	2.058.154.035	1.453.734.651	5.908.317.636
Tổng chi phí mua tài sản cố định	447.000.000	1.083.498.182	399.621.718	1.930.119.900
Tài sản bộ phận	24.351.642.392	892.223.663	1.521.991.862	26.765.857.917
Tài sản không phân bổ			21.399.186.753	21.399.186.753
Tổng tài sản	24.351.642.392	892.223.663		48.165.044.670
Nợ phải trả của các bộ phận	2.368.836.763	-	50.000.000	2.418.836.763
Nợ phải trả không phân bổ			20.288.853.111	20.288.853.111
Tổng nợ phải trả	2.368.836.763	-	20.338.853.111	22.707.689.874

Theo khu vực địa lý

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là in ấn và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chi nhánh của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Tập đoàn ECI	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn và bán hàng khác	19.452.091.433	17.532.610.588
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	16.041.229.155	13.175.394.409
Công ty CP Tập đoàn ECI	65.929.935	600.426.779
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	1.921.063.894	1.799.690.351
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	1.258.246.557	1.297.192.973
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	165.621.892	659.906.076
Doanh thu cho thuê kho, cửa hàng	4.037.655.188	2.393.167.196
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	1.618.141.262	1.161.815.942
Công ty CP Sách đại học - Dạy nghề	183.272.728	87.818.182
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	1.587.140.184	687.400.026
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	180.631.372	83.248.086
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	468.469.642	372.884.960

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Bà Vũ Thị Hảo	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	5.000.000
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	380.575.567	395.885.103
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	3.000.000	3.000.000
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	3.000.000	3.000.000
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc	245.923.600	260.466.444
Bà Vũ Thị Hoà	Kế toán trưởng	235.250.568	280.691.960
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban kiểm soát	14.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Đắc Huân	Kiểm soát viên	184.570.113	208.537.097
Ông Lê Quang Hà	Kiểm soát viên	171.254.530	184.267.467

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

